

HOÀN THIỆN MỘT SỐ LOẠI THUẾ TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

THS NGUYỄN NGỌC THAO *

Những năm qua, Nhà nước đã ban hành và thực thi nhiều luật thuế mới về xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với chủ trương mở cửa nền kinh tế, mở rộng hoạt động ngoại thương đã phát huy tác dụng thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta. Thuế xuất khẩu đánh vào những nguyên liệu nông sản và nguyên liệu thuộc tài nguyên thiên nhiên không những góp phần bảo vệ nguồn nguyên liệu cho sản xuất ở trong nước mà còn có tác dụng điều hòa cung - cầu trong nước, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Thuế nhập khẩu đánh vào các mặt hàng nhập khẩu với nhiều mức thuế suất khác nhau để bảo hộ đến từng ngành hàng, hỗ trợ phát triển sản xuất trong nước. Đối với máy móc thiết bị và vật tư nguyên liệu mà trong nước chưa sản xuất được hoặc chưa bảo đảm đủ yêu cầu cho sản xuất thì đánh thuế rất thấp hoặc áp dụng thuế suất 0%. Đối với những loại hàng hóa trong nước đã sản xuất được hoặc cần hướng dẫn, hạn chế tiêu dùng thì đánh thuế cao hoặc rất cao như thuốc lá, rượu, bia, xe hơi... Hàng hóa là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu thì được miễn thuế suất cho từng nhóm mặt hàng chi tiết đến từng mặt hàng phù hợp với tình hình phát triển sản xuất trong nước của từng thời kỳ. Cùng nhóm mặt hàng nhưng các linh kiện ở dạng IKD, CKD, SKD thì chịu thuế thấp hơn là nhập khẩu nguyên chiếc nhằm khuyến khích nhập vật tư, linh kiện để lắp ráp tạo thêm việc làm ở trong nước. Những mặt hàng mà sản xuất trong nước đã vươn lên đáp ứng được nhu cầu

cho sản xuất, đời sống và xuất khẩu thì căn cứ vào khung thuế suất quy định để kịp thời nâng dần thuế nhập khẩu lên, như đối với đường ăn, xi măng, sắt thép, nước khoáng, xe đạp... Nhìn chung, cơ chế thuế xuất, nhập khẩu mà Nhà nước đã thực thi trong những năm qua là phù hợp với đặc điểm kinh tế của nước ta đang trong thời kỳ đầu mở cửa với bên ngoài.

Dưới góc độ hội nhập kinh tế quốc tế, thuế đã được sử dụng có tính đến yếu tố hội nhập, tạo được bước tiến trong tiến trình hội nhập với môi trường thuế quốc tế: đã kí kết các hiệp định tránh đánh thuế trùng với đa số các nước trên thế giới có quan hệ kinh tế với nước ta; đã xây dựng và công bố lộ trình hội nhập quốc tế về thuế khi tham gia AFTA và gia nhập vào WTO. Tuy nhiên, trong thời gian qua, việc phát huy vai trò của công cụ thuế để quản lý, điều tiết nền kinh tế trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng còn một số hạn chế. Cụ thể:

- Phạm vi sử dụng công cụ thuế để quản lý, điều tiết vĩ mô đối với nền kinh tế còn hạn hẹp, chưa bao quát hết các hoạt động sản xuất - kinh doanh của nền kinh tế quốc dân, nhất là đối với những ngành, những lĩnh vực đang phát sinh, phát triển phong phú, đa dạng theo hướng kinh tế thị trường.

- Diện chưa thu thuế và miễn thuế còn nhiều dẫn đến không đảm bảo công bằng, sinh ra ganh tị lẫn nhau, dễ tạo kẽ hở cho

* Học viện Hành chính Quốc gia.

trốn thuế, lậu thuế.

- Trong cả một thời gian dài trước đây, có sự phân biệt về thuế suất giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Vấn đề công bằng về thuế giữa các tầng lớp dân cư còn phân biệt về mức khởi điểm chịu thuế thu nhập cao giữa người Việt Nam và người nước ngoài; còn có sự phân biệt về thuế thu nhập giữa các cá nhân kinh doanh và không kinh doanh nhưng có thu nhập cao phải chịu thuế. Việc để cá nhân kinh doanh chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà không phải là đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân cũng chưa hợp lý.

- Hệ thống chính sách thuế trong những năm qua chưa đáp ứng được yêu cầu mở rộng hợp tác kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới. Việc quy định và tổ chức thực hiện các loại thuế chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, chưa tương đồng với hệ thống thuế của các nước và thiếu rõ ràng, thiếu công bằng, không ổn định làm khó cho nhà đầu tư nước ngoài và các nhà đầu tư trong nước.

- Những quy định về thuế nhập khẩu (*thuế suất, giá tính thuế...*) và sự phân biệt hàng sản xuất trong nước với hàng nhập khẩu trong thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho những doanh nghiệp có tỉ lệ xuất khẩu cao hoặc những quy định miễn, giảm thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất trong nước... đã vi phạm nguyên tắc chống trợ cấp trong thương mại quốc tế, vi phạm quy định về đối xử quốc gia của WTO.

Để bảo vệ sản xuất trong nước và phù hợp với thông lệ quốc tế, cần nghiên cứu ban hành và sửa đổi một số loại thuế trong hệ thống thuế của nước ta như sau:

a. Thuế chống bán phá giá: Loại thuế này nhằm mục đích bảo vệ thị trường nội địa khi nhập những hàng hoá phá giá.

Hàng nhập phá giá là những hàng hoá được đưa vào thị trường trong nước mức giá thấp hơn rất nhiều lần so với giá thế giới. Nhờ thuế chống phá giá mà có thể nâng giá những hàng hoá này lên ngang bằng mức trung bình trên thị trường quốc tế và đảm bảo đem lại nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN). Thuế chống bán phá giá được áp dụng trong hai trường hợp:

- Khi nhập vào thị trường nội địa những hàng hoá có giá thấp hơn rất nhiều lần giá trung bình của thị trường quốc tế tại thời điểm xuất hàng của nước xuất khẩu do hành vi bán hàng với giá cả như vậy, sẽ gây thiệt hại cho những người sản xuất trong nước hoặc những người cạnh tranh những mặt hàng đó trong nước hoặc cản trở trong việc đầu tư mở rộng kinh doanh.

- Khi nhập vào thị trường nội địa những hàng hoá với giá thấp hơn nhiều lần giá của những nhà nhập khẩu khác cùng một loại hàng hoá tương tự ở thời điểm nhập hàng, sẽ gây thiệt hại cho đất nước, do không đem lại nguồn thu cho NSNN từ các doanh nghiệp nhập khẩu bị lỗ. Nguồn thu từ thuế này được dùng để bù đắp những chi phí của Nhà nước trong việc thực hiện các biện pháp chống bán phá giá.

Tuy vậy, mức thuế chống bán phá giá cũng không thể vượt quá phần chênh lệch giữa giá bán buôn hàng phá giá ở nước xuất khẩu tại thời điểm xuất hàng với giá nhập vào trong nước hoặc là giữa giá của hàng phá giá trong nước với giá trung bình của các nhà nhập khẩu cùng loại.

b. Thuế đối kháng được áp dụng như một biện pháp bảo vệ trong những trường hợp như sau:

- Bảo vệ thị trường nội địa nếu nhập những hàng hoá với một số lượng nhất định mà gây thiệt hại cho sản xuất trong nước.

- Hành vi trả đũa hoặc thực hiện trừng phạt đối với những biện pháp phân biệt đối xử của những nước tham gia vào mối quan

hệ đối ngoại khi vì phạm lợi ích của nhau hoặc lợi ích của các doanh nghiệp trong nước

- Là một phương thức ngăn chặn các hành vi cạnh tranh không thiện chí của các công ty nước ngoài.

Cần hoàn chỉnh hình thức pháp lý của hai loại thuế trên dưới dạng luật thuế để điều chỉnh đúng hơn các đối tượng đánh thuế. Điều đó là hoàn toàn cần thiết khi thực hiện lộ trình thuế quan, đồng thời là biện pháp kinh tế mà các điều ước quốc tế công nhận để bảo vệ quyền lợi của các bên khi tham gia quan hệ kinh tế quốc tế. Một trong những nguyên tắc quan trọng của tự do hóa thương mại cũng cho phép các nước thành viên được áp dụng một số biện pháp để đảm bảo quyền tự vệ trong một số trường hợp đặc biệt nhằm bảo hộ cho nền công nghiệp trong nước.

Theo báo cáo về hoạt động bảo hộ trong thương mại thế giới của hãng Row and Maw: trên quy mô toàn cầu, đang có xu hướng tăng sử dụng các biện pháp bảo hộ như một sáng kiến về đấu tranh chống việc bán phá giá và trợ cấp.

c. Hoàn thiện các loại thuế khác

Thứ nhất, từng bước cơ cấu lại các sắc thuế gián thu như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, tiến tới nâng dần tỉ trọng thuế trực thu, giảm tỉ trọng thuế gián thu trong cơ cấu thu NSNN, hạn chế tới mức thấp ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế quan đối với thu NSNN.

Ở nước ta, giai đoạn 2001-2005 trong cơ cấu thuế, thuế gián thu chiếm 46%, bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất - nhập khẩu; thuế trực thu chiếm 39%, bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất...; và các loại thu khác chiếm 15%. Do tỉ trọng thuế gián thu cao làm cho tăng chi phí đầu vào, đẩy giá thành sản phẩm lên cao làm giảm

sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Trong điều kiện thực hiện Hiệp định thuế quan theo các cam kết với WTO, nếu các thuế khác không thay đổi, việc cắt giảm thuế nhập khẩu sẽ ảnh hưởng đến cơ cấu tỉ trọng các loại thuế. Hiện thuế nhập khẩu chiếm 25% tổng thu NSNN, nếu cắt giảm thuế này thì đến cuối năm 2007, nguồn thu từ thuế nhập khẩu giảm đi, kéo theo sự thay đổi của tỉ trọng thuế gián thu trong tổng thu NSNN. Để đảm bảo tỉ trọng hợp lý giữa các loại thuế, cần tiến hành cơ cấu lại theo hướng tăng tỉ trọng thuế trực thu và giảm tỉ trọng thuế nhập khẩu và thuế gián thu trong tổng thu NSNN.

Kinh nghiệm quốc tế đã chỉ ra rằng, khi hàng rào thuế nhập khẩu giảm một cách căn bản đã làm thay đổi rõ rệt tỉ trọng của thuế nhập khẩu trong thu NSNN. Điều này đã được chứng minh qua sự phát triển của các nước OECD và các nước châu Á. Tại Nhật Bản, thuế nhập khẩu trong tổng số thu về thuế đã giảm từ 3,6% năm 1985 xuống 1,6% năm 1995 và 0,6% năm 2005. Tại các nước đang phát triển, tỉ trọng thuế nhập khẩu trong tổng thu ngân sách tuy còn cao nhưng cũng đã thể hiện rõ chiều hướng giảm dần từ 14,1% năm 1996 xuống 10% năm 2005 và tại các nước có mức thu nhập trung bình khá, tỉ trọng thuế nhập khẩu giảm từ 23% xuống 12% (trong khoảng thời gian từ năm 1995-2005). Ở khu vực Đông Nam Á, trong những năm 1994-2004: Ma-lai-xi-a đã giảm tỉ trọng thuế nhập khẩu từ 26% xuống 18%, đồng thời tăng tỉ trọng thuế gián thu từ 21% lên 28%; Thái Lan trong khi giảm thuế nhập khẩu từ 24,6% còn 19% đã làm giảm thuế gián thu từ 40% còn 37% và đã nâng tỉ lệ thuế trực thu trong tổng thu NSNN từ 32% lên 43%.

Trong giai đoạn tới ở nước ta, cần cơ cấu lại nguồn thu từ thuế nội địa theo hướng tăng tỉ trọng thuế trực thu có thể

thực hiện theo hướng mở rộng đối tượng và phạm vi áp dụng các hình thức thuế trực thu như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài sản và các loại thuế đất. Trong đó, mở rộng nguồn thu từ thuế thu nhập cá nhân và thuế đất có vị trí quan trọng. Hiện nay, nguồn thu NSNN từ thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao chiếm tỉ lệ rất nhỏ so với các nước trên thế giới (khoảng 3,4% tổng thu NSNN). Trong những năm tới, Việt Nam ngày càng hội nhập vào WTO sẽ tạo cơ sở để tăng thu nhập dân cư. Đó là tiền đề quan trọng để tăng dần tỉ trọng thuế thu nhập cá nhân trong tổng thu NSNN.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung một số nội dung các luật thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt cho phù hợp với thông lệ quốc tế trong quá trình hội nhập. Cụ thể:

- Mở rộng diện các nhóm mặt hàng xuất khẩu được hưởng thuế suất 0% để tạo điều kiện tăng kim ngạch xuất khẩu.

- Giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với các sản phẩm thuộc các ngành có ý nghĩa quan trọng với nền kinh tế quốc dân trong giai đoạn đầu của sự nghiệp CNH, HĐH.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác hạch toán kế toán và sử dụng hoá đơn, chứng từ để mở rộng đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ nhằm đơn giản hoá và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ ba, hoàn thiện thuế thu nhập theo hướng:

- Hạ thấp thuế suất và áp dụng một thuế suất thống nhất, thuế thu nhập doanh nghiệp giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đảm bảo sự bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp trong và ngoài nước theo thông lệ quốc tế.

- Loại bỏ những quy định về miễn giảm thuế đối với những đối tượng thuộc chính sách xã hội, để đảm bảo thuế phù hợp với

thông lệ quốc tế trong quá trình hội nhập.

- Xoá bỏ việc miễn giảm thuế tràn lan, thiếu chọn lọc, thiếu cơ sở khoa học và không phù hợp với những cam kết quốc tế về thuế.

Thứ tư, hoàn thiện thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao theo hướng:

- Mở rộng phạm vi điều chỉnh của thuế thu nhập, đối với người có thu nhập cao đối với mọi nguồn thu nhập của cá nhân.

- Áp dụng thống nhất tiêu thức “cư trú” trong việc xác định đối tượng đánh thuế, áp dụng thống nhất biểu thuế giữa người Việt Nam và người nước ngoài trên cơ sở xây dựng mức miễn trừ khác nhau, để đảm bảo sự đồng viên công bằng giữa các đối tượng nộp thuế.

- Thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch về thu nhập chịu thuế, giữa người Việt Nam và người nước ngoài, tiến tới thống nhất áp dụng một biểu thuế suất chung cho cả hai đối tượng.

Trong bối cảnh xu thế toàn cầu hoá đang gia tăng, việc thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung và chương trình cắt giảm thuế theo yêu cầu của các tổ chức quốc tế có thể trước mắt sẽ tăng sức ép cạnh tranh hoặc gây bất lợi cho một số ngành. Song, khi thị trường thế giới rộng mở, thuế nhập khẩu của các nước trên thế giới giảm thấp, lúc đó hàng hoá Việt Nam có thể được tiêu thụ khắp nơi trên thế giới và được hưởng những quy chế ưu đãi nhất định. Điều đó sẽ đem lại những lợi ích thực sự cho nền kinh tế nước ta. Thế kỉ XXI sẽ là thế kỉ của toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, cả các quốc gia đang phát triển và phát triển đều phát triển kinh tế theo hướng hội nhập quốc tế. Do đó, đổi mới chính sách thuế của Việt Nam nhằm chủ động thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế là phù hợp với kỉ nguyên mới của toàn cầu hoá □

Nguồn:

Bộ Tài chính, Ngân hàng Thế giới, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010.